

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 4 - 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp

về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bé Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Thế Hạp và bà Ngôn Thị Liêm.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nông Văn Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên toà:** Bà Nông Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bé Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: xóm N, Cách Linh, Quảng Hòa, Cao Bằng. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Đinh Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: xóm T, Trung Phúc, Trùng Khánh, Cao Bằng (hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 8, phân trại số 4, Trại giam Ngọc Lý, tỉnh Bắc Giang). (Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 13/3/2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Bé Thị T trình bày: Chị và anh T kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Đại, huyện Phục Hòa (nay là xã Cách Linh, huyện Quảng Hòa), tỉnh Cao Bằng ngày 07/10/2013, việc đăng ký do hai bên tự nguyện tiến hành.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại xóm T, Trung Phúc, Trùng Khánh, Cao Bằng và có một con chung tên là Đinh Ngọc D, sinh ngày 30/10/2017.

Đến khoảng tháng 11/2017 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con, có hành vi đánh vợ. Ngoài ra, anh T còn nghiện ma túy và có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Chị đã nhiều lần can ngăn, khuyên bảo nhưng không được. Hiện anh T đang chấp hành án tại đội 8, phân trại số 4, trại giam Ngọc Lý, tỉnh Bắc Giang về tội mua bán trái phép chất ma túy, mức án 07 năm tù giam theo bản án của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Hiện chị không còn tình cảm với anh Tòng và không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh T nữa, thực tế anh chị đã ly thân từ khoảng tháng 6/2021 đến nay. Mong Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Đinh Ngọc D và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, đất đai và nhà cửa đều đứng tên của bố mẹ, chưa chia cho các con.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2023, bị đơn Đinh Văn T xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị T trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh T cho rằng thời điểm sống chung thì hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng nay anh đi chấp hành án phạt tù nên chị T mới yêu cầu ly hôn với anh. Việc chị T làm đơn yêu cầu ly hôn và giành quyền nuôi con, anh T hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì. Đồng thời, anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn với chị Bế Thị T.

Tại phiên tòa:

Chị T giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện, xác định vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn anh T, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 5, Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bế Thị T được ly hôn với anh Đinh Văn T;

- Về con chung: Giao con chung là cháu Đinh Ngọc D, sinh ngày 30/10/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh T. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được phép ngăn cản;

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;

- Về án phí: Chị Bé Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Đinh Văn T có hộ khẩu thường trú và trước khi bị bắt tạm giam thì cư trú tại: Xóm T, xã Trung Phúc, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về tố tụng*: Bị đơn Đinh Văn T hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam không thể có mặt tại Tòa và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Bé Thị T yêu cầu ly hôn anh Đinh Văn T, giành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bé Thị T và anh Đinh Văn T tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 07/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Phục Hòa (nay là xã Cách Linh, huyện Quảng Hòa), tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị T và anh T là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Tuy nhiên, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Anh T không chịu tu chí làm ăn, lười lao động, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, sử dụng và mua bán trái phép chất ma túy, bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh tuyên phạt 07 năm tù. Hiện nay đang trong thời gian chấp hành án tại Trại giam. Từ đó, hai vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nữa, chị T ở nhà một mình nuôi con. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2023, anh T cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị T cùng

nguyện vọng được nuôi con của chị. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị T và anh T có 01 con chung tên Đinh Ngọc D, sinh ngày 30/10/2017, hiện nay đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay anh T đang trong thời gian chấp hành án phạt tù trong trại giam, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung, cháu D cũng đã sống cùng mẹ từ nhỏ, nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến việc sinh hoạt, học tập của cháu. Mặt khác, anh T cũng nhất trí để chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, cần giao cháu D cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh T là có căn cứ.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bé Thị T được ly hôn anh Đinh Văn T.

2. *Về con chung*: Giao cháu Đinh Ngọc D, sinh ngày 30/10/2017 cho chị Bé Thị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Bé Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị T đã nộp đủ

theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004297 ngày 15/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Trùng Khánh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Trùng Khánh;
- UBND xã Cách Linh, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bế Thị Thùy Linh